

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 245/2019/HSPT

Ngày 20 - 8 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn.

Ông Nguyễn Tấn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 224/2019/HSPT ngày 08/7/2019 đối với bị cáo Trương Văn T + 01 bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Trương Văn T, sinh năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Xã HT, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Con ông: Trương Văn C và bà Nguyễn Thị A; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 02 tiền án:

Ngày 21/12/2011, bị Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Ngày 17/5/2012, bị Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản, theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự và 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, hình phạt chung của hai tội là 05 năm 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 bản án ngày 21/12/2011 và bản án ngày 17/5/2012 buộc bị cáo

T phải chấp hành 07 năm tù. Ngày 25/9/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt.(Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2018. Hiện đang giam. Có mặt.

2. Huỳnh Thế T1, sinh năm: 1991. Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thị trấn ED, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp. Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Huỳnh Thế L, sinh năm 1961 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án.

Ngày 27/7/2010, Huỳnh Thế T1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Ngày 08/12/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt.(Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/12/2018. Hiện đang giam. Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Trịnh Quang T2 – Sinh năm 1988; trú tại: Xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị N; trú tại: Xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
2. Ông Lê B1; trú tại: xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
3. Ông Lê P; trú tại: Xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/10/2018, Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 điều khiển xe mô tô biển số 47L9 – 5868 mượn của anh Lê B1 xuống thị trấn PA, huyện KP chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T chở T1 quay về thành phố B. Trên đường đi T phát hiện tiệm điện thoại QT của anh Trịnh Quang T2 ở thôn TB, xã EK khóa cửa nên rủ T1 đột nhập vào trộm cắp điện thoại, T1 đồng ý. Sau đó T và T1 về thành phố B mua kìm cộng lực mang về phòng trọ tại phường TL, Thành phố B cất giấu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 47L9 – 5868 chở T1 đến tiệm điện thoại của anh T2 để trộm cắp, khoảng 24 giờ 15 phút ngày 25/10/2018 thì đến cửa hàng. Đến nơi, T dùng kìm cộng lực cắt khóa cửa, cả hai vào trong cửa hàng trộm cắp 24 điện thoại di động các loại và 3.000.000 đồng tiền card điện thoại mệnh giá 10.000 đồng, 20.000 đồng của nhà mạng Vinafone và Viettel (200 card gồm 27 card Vinafone và 173 card Viettel) bỏ vào túi xách da màu đen. Sau khi trộm cắp được tài sản trên, T và T1 về lại thành phố B trên đường đi, T1 vứt kìm cộng lực vào bụi cỏ bên đường. Khoảng 11 giờ ngày 25/10/2018, T1 bán 01 điện thoại hiệu Sam sung J4, màn hình cảm ứng cho chị Trương Thị N trú tại thôn 6, xã HT, thành phố B được 1.300.000 đồng, số điện thoại còn lại T và T1 bán ở nhiều địa điểm tại thành

phố B (không rõ địa chỉ cụ thể), 27 card điện thoại của nhà mạng Vinafone, T và T1 nạp vào điện thoại để sử dụng.

Tại bản các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện KP kết luận theo lời khai của người bị hại như sau:

Tại bản kết luận định giá tài sản số 85/KL-ĐG ngày 04/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện KP kết luận: Tổng giá trị của 24 chiếc điện thoại tại thời điểm bị xâm hại là 45.350.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐG ngày 12/02/2019 của Hội đồng định giá huyện KP kết luận: Tổng giá trị 02 chiếc điện thoại tại thời điểm bị xâm hại là 1.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị xâm hại ngày 25/10/2018 là 46.750.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-HS ngày 20/3/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã quyết định:

Căn cứ Điều 260, Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 05/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thế T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 05/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường cho anh Trịnh Quang T2 số tiền là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng); buộc bị cáo Huỳnh Thế T1 phải bồi thường cho anh Trịnh Quang T2 số tiền là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả trong khi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về xử lý vật chứng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2019, bị cáo Trương Văn T và bị cáo Huỳnh Thế T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/6/2019, người bị hại kháng cáo đề nghị xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Trương Văn T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đề nghị tăng mức bồi thường; đề nghị định giá lại camera, thẻ nhớ chưa có trong kết luận định giá; định giá lại điện thoại Oppo A3S; định giá đối với 02 điện thoại Sam Sung J3 Pro và Xiaomi Redmi 6A mà bị cáo không thừa nhận đã trộm cắp.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu trên, cũng như lời khai của của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra. Người bị hại giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 02 năm 9 tháng tù đối với bị cáo Trương Văn T và mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Huỳnh Thế T1 mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và kháng cáo của người bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 25/10/2018, các bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 đã dùng chìa khóa công cộng lực cắt khóa cửa đột nhập cửa hàng điện thoại di động của anh Trịnh Quang T2 trộm cắp 24 chiếc điện thoại di động các loại trị giá 41.410.000 và 3.000.000 triệu đồng tiền thẻ

card điện thoại mệnh giá 10.000 đồng, 20.000 đồng của nhà mạng Vinafone và Viettel. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 44.410.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Văn T và Huỳnh Thế T1, HĐXX thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Trịnh Quang T2, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Xét mức hình phạt 02 năm 9 tháng tù đối với bị cáo Trương Văn T và mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù đối với bị cáo Huỳnh Thế T1 mà cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và các tình tiết tăng nặng cho các bị cáo khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại đề nghị xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Trương Văn T phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; đề nghị tăng mức bồi thường; đề nghị định giá lại camera, thẻ nhớ chưa có trong kết luận định giá; định giá lại điện thoại Oppo A3S; định giá đối với 02 điện thoại Sam Sung J3 Pro và Xiaomi Redmi 6A mà bị cáo không thừa nhận đã trộm cắp. HĐXX thấy rằng:

Bị cáo T phạm tội không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 BLHS “*Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý*”. Và cũng không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS “*Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý*”. Mặc dù bị cáo T có 02 tiền án (bút lục 98, bút lục 111) nhưng bị cáo T chưa từng bị áp dụng tình tiết “Tái phạm”. Nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo với tình tiết tăng nặng “Tái phạm” là đúng pháp luật.

Anh Trịnh Quang T2 cho rằng còn bị mất 02 điện thoại trong đó có 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 Pro, và 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi 6A trị giá khoảng 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo khai không trộm cắp 02 chiếc điện thoại trên và cơ quan điều tra cũng không thu giữ được 02 chiếc điện thoại này, nên không có căn cứ buộc các bị cáo bồi thường cho anh T2.

Đối với 01 chiếc camera hiệu Yosee và 01 thẻ nhớ 32gb, quá trình điều tra anh T2 không khai báo và trong bảng kê bồi thường thiệt hại anh T2 không kê khai, các bị cáo khai nhận khi vào trộm cắp tài sản không quan sát nên không biết có Camera hay không và cũng không thừa nhận đã làm hư hỏng 02 tài sản này. Do đó không có căn cứ để buộc các bị cáo bồi thường 01 chiếc camera hiệu Yosee và 01 thẻ nhớ 32gb cho anh T2 mà anh T2 khai trị giá khoảng 1.000.000 đồng.

Đối với điện thoại Oppo A3S, tại biên bản định giá tài sản ngày 14/11/2018 và Kết luận định giá tài sản ngày 14/11/2018 (bút lục 31 đến bút lục 34), Hội đồng định giá tài sản đã thực hiện việc định giá tài sản đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu của người bị hại về việc đề nghị định giá lại chiếc điện thoại Oppo A3S là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy kháng cáo của anh T2 là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm về hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung là không cần thiết.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận đơn kháng cáo nên bị cáo Trương Văn T và bị cáo Huỳnh Thế T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

Do không chấp nhận đơn kháng cáo về phần đòi bồi thường về tài sản nên anh Trịnh Quang T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn T, Huỳnh Thế T1 và của người bị hại – Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 28/2019/HS-ST, ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trương Văn T** 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/12/2018.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thế T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/12/2018.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trương Văn T phải bồi thường cho anh Trịnh Quang T2 số tiền là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Huỳnh Thế T1 phải bồi thường cho anh Trịnh Quang T2 số tiền là 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả trong khi thi hành án.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Trương Văn T và bị cáo Huỳnh Thế T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 945.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Văn T và bị cáo Huỳnh Thế T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

- Anh Trịnh Quang T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND + VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân